

BÁO CÁO TỔNG HỢP SỐ LIỆU CƠ SỞ VẬT CHẤT
Kỳ cuối năm - Năm học 2024 - 2025

A. Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ	Số lượng	Chia ra				
		Kiến cổ		Bán k.cổ		Tạm
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
Nhà trẻ						
Số phòng theo chức năng	6	4	0	2	0	0
Chia ra: - Phòng sinh hoạt chung	3	2		1		
- Phòng vệ sinh	3	2		1		
- Phòng ngủ	0					
- Phòng khác	0					
Mẫu giáo						
Số phòng theo chức năng	24	22	0	2	0	0
Chia ra: - Phòng sinh hoạt chung	12	11		1		
- Phòng vệ sinh	12	11		1		
- Phòng ngủ	0					
- Phòng khác	0					

B. Khối phục vụ học tập	Số lượng	Chia ra					
		Kiến cổ		Bán k.cổ			Tạm
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới		
Số phòng theo chức năng	0	0	0	0	0	0	
Chia ra: - Phòng giáo dục thể chất	0						
- Phòng đa chức năng (nghệ thuật)	0						
- Phòng khác	0						

C. Khối phòng tổ chức ăn	Số lượng	Chia ra				
		Kiến cổ		Bán k.cổ		Tạm
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
Số phòng theo chức năng	4	4	0	0	0	0
Chia ra: - Nhà bếp	3	3				
- Nhà kho	1	1				
- Phòng khác	0					

D. Khối phòng khác	Số lượng	Chia ra				
		Kiến cổ		Bán k.cổ		Tạm
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
Số phòng theo chức năng	3	3	0	0	0	0
Chia ra: - Phòng y tế	1	1				
- Khu vệ sinh dành cho giáo viên	2	2				

E. Khối phòng hành chính quản trị	Số lượng	Chia ra				
		Kiến cổ		Bán k.cổ		Tạm
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
Số phòng theo chức năng	5	5	0	0	0	0
Chia ra: - Phòng Hiệu trưởng	1	1				
- Phòng Phó hiệu trưởng	1	1				
- Văn phòng trưởng	1	1				
- Phòng họp	0					
- Phòng hành chính quản trị	0					
- Phòng bảo vệ	1	1				
- Nhà công vụ giáo viên	0					
- Phòng nhân viên	1	1				
- Phòng khác	0					

F. Khối công trình công cộng	Số lượng	Chia ra				
		Kiến cổ		Bán k.cổ		Tạm
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
Số phòng theo chức năng	2	0	0	2	0	0
Chia ra: - Nhà xe giáo viên	2			2		
- Phòng khác	0					

Cơ sở vật chất khác		Số lượng	
Số phòng học nhỏ			
Số phòng học 3 ca			
Diện tích đất (m ²)			
Tổng diện tích đất		3527	
Trong đó: Diện tích đất được cấp		3527	
Diện tích đất đi thuê			
Diện tích đất sân chơi		1579	
Tổng diện tích một số loại phòng (m ²)			
Tổng số		928	
Chia ra: Diện tích phòng học		784	
Trong TS: Diện tích phòng ngủ			
Diện tích bếp ăn		144	
Diện tích phòng đa chức năng			
Diện tích phòng giáo dục thể chất			
Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GD&ĐT (DVT: bộ)		Bộ đầy đủ	Bộ chưa đầy đủ
Tổng số		15	0
Chia ra:- Nhà trẻ		3	
- Mẫu giáo		12	
Thiết bị phục vụ giảng dạy			
Tổng số máy vi tính đang được sử dụng		5	
Chia ra: - Máy vi tính phục vụ học tập			
- Máy vi tính phục vụ quản lý		5	
Trong đó: Máy vi tính đang sử dụng được nối Internet		5	
Số máy in		5	
Số thiết bị nghe nhìn			
Trong đó: - Tivi		15	
- Nhạc cụ		7	
- Cát xét			
- Đầu Video		3	
- Đầu đĩa			

- Máy chiếu OverHead	
- Máy chiếu Projector	
- Máy chiếu vật thể	
- Thiết bị khác	

Loại nhà vệ sinh	Số lượng (nhà)		
	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	
		Chung	Nam/Nữ
Đạt chuẩn vệ sinh (*)	1	4	11
Chưa đạt chuẩn vệ sinh			
Không có			

Nguồn nước	1	1-Nước máy; 2-Giếng khoan/dào; 3-Sông/suối;
Nước dùng hợp vệ sinh	1	1-Có; 0-Không
Nguồn điện lưới	1	1-Có; 0-Không
Bếp ăn 1 chiều	1	1-Có; 0-Không
Cổng trường	1	1-Có; 0-Không
Sân chơi	1	1-Có; 0-Không
Sân chơi có 5 loại TB trở lên	1	1-Có; 0-Không
Sân chơi có đồ chơi	1	1-Có; 0-Không
Hàng rào	1	1-Xây; 2-Kèm lưới; 3-Cây xanh
Phân mềm tuyển sinh đầu cấp	0	1-Có; 0-Không

(*) Nhà tiêu hai ngăn ủ phân tại chỗ, nhà tiêu chìm có ống thông hơi, nhà tiêu thấm dội nước, nhà tiêu tự hoại

